

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 34



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch tiền thân là Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, được thành lập năm 1997, là đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 02 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 10 tháng 11 năm 2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai ngày 18 tháng 5 năm 2012 về việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 3600977120; thay đổi danh sách và tỷ lệ góp vốn của cổ đông sáng lập;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 5 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ VND thành 50 tỷ VND, thay đổi tỷ lệ góp vốn;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 4 năm 2016 về việc tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ VND thành 75 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 5 năm 2016 về việc thay đổi thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 13 tháng 09 năm 2017 về việc tăng vốn điều lệ từ 75 tỷ VND thành 100 tỷ VND.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : (0251) 3 560 574
- Fax : (0251) 3 560 031

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM vào ngày 09 tháng 4 năm 2012 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: NTW
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 10.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 100.000.000.000 VND.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp, phân phối nước sạch);
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm nước);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (Chi tiết: Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm tài chính này và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên
Ông Ngô Chí Quốc	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên

##### **Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Văn Thùy	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Thành viên
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên

##### **Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Ngô Dương Đại	Phó Giám đốc
Ông Võ Quang Hồng	Phó Giám đốc

##### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Anh Tuấn, chức vụ Giám đốc.

#### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

#### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

#### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

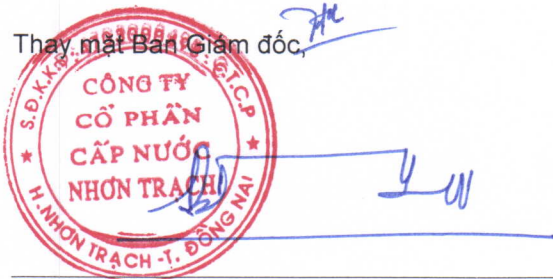
Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **7. Công bố các Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**NGUYỄN ANH TUẤN**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2018



Số: 138/2018/BCKT-HCM.00771

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được trình bày tại mục 4.10 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm 2017 Công ty ghi nhận chi phí lương theo quỹ lương kế hoạch, quỹ lương kế hoạch này đang chờ Hội đồng quản trị phê duyệt.



**TRANG ĐẶC NHA**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2018

A blue ink signature, likely belonging to Đỗ Chí Liễu, the auditor.

**ĐỖ CHÍ LIỄU**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3233-2015-009-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>133.418.928.141</b>	<b>141.310.137.336</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>56.522.018.664</b>	<b>59.128.275.285</b>
Tiền	111		10.117.494.850	2.425.511.430
Các khoản tương đương tiền	112		46.404.523.814	56.702.763.855
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>67.202.467.498</b>	<b>73.026.108.193</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	32.871.285.881	33.967.436.161
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	763.773.124	449.053.741
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	35.000.000.000	40.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	882.905.719	925.115.517
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(2.315.497.226)	(2.315.497.226)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>7.360.450.615</b>	<b>7.516.969.927</b>
Hàng tồn kho	141		7.360.450.615	7.516.969.927
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.333.991.364</b>	<b>1.638.783.931</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.345.976.069	1.274.646.075
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	988.015.295	364.137.856
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>70.438.296.801</b>	<b>61.007.426.294</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>69.015.572.476</b>	<b>58.174.831.663</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	69.015.572.476	58.172.331.663
Nguyên giá	222		171.180.907.185	148.377.295.657
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.165.334.709)	(90.204.963.994)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	2.500.000
Nguyên giá	228		45.000.000	45.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(45.000.000)	(42.500.000)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.422.724.325</b>	<b>2.832.594.631</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	1.422.724.325	2.832.594.631
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>203.857.224.942</b>	<b>202.317.563.630</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>20.359.251.013</b>	<b>23.450.305.031</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.359.251.013</b>	<b>23.450.305.031</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	5.572.069.300	8.270.384.071
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	316.915.846	20.014.050
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	411.608.051	298.202.490
Phải trả người lao động	314	5.14	5.494.393.820	3.088.569.736
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	303.692.436	261.719.708
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	8.260.571.560	11.511.414.976
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>183.497.973.929</b>	<b>178.867.258.599</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.17	<b>183.497.973.929</b>	<b>178.867.258.599</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	75.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		100.000.000.000	75.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.043.138.411	6.043.138.411
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		16.792.673.664	40.839.064.343
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.662.161.854	56.985.055.845
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		39.505.671.611	37.912.869.427
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		21.156.490.243	19.072.186.418
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>203.857.224.942</b>	<b>202.317.563.630</b>


**NGUYỄN VĂN HOÀN**

Người lập biểu


**ĐẶNG THỊ THU HẰNG**

Kế toán trưởng

**NGUYỄN ANH TUẤN**

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2018



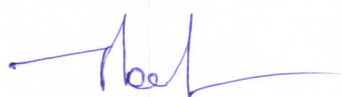
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	153.943.895.717	131.305.855.522
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	28.192.200	13.291.225
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		153.915.703.517	131.292.564.297
Giá vốn hàng bán	11	6.3	118.752.922.000	102.742.612.387
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>35.162.781.517</b>	<b>28.549.951.910</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	4.982.672.997	4.817.938.487
Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	5.385.215.686	3.965.331.243
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	8.408.603.341	5.462.626.780
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>26.351.635.487</b>	<b>23.939.932.374</b>
Thu nhập khác	31	6.7	4.423.261.190	235.149.107
Chi phí khác	32	6.8	4.242.283.873	251.848.459
<b>Lợi nhuận/ (lỗ) khác</b>	<b>40</b>		<b>180.977.317</b>	<b>(16.699.352)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>26.532.612.804</b>	<b>23.923.233.022</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.13	5.376.122.561	4.851.046.604
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>21.156.490.243</b>	<b>19.072.186.418</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9.1	1.946	2.340



**NGUYỄN VĂN HOÀN**  
Người lập biểu



**ĐẶNG THỊ THU HẰNG**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN ANH TUẤN**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2018




**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	26.532.612.804	23.923.233.022
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.962.870.715	11.312.009.530
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.982.672.997)	(4.817.938.487)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>33.512.810.522</b>	<b>30.417.304.065</b>
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	15.178.350	2.536.270.758
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	156.519.312	945.978.332
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, (Tăng)/giảm chi phí trả trước	11	741.061.237	(2.285.069.700)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	12	-	-
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(6.000.000.000)	(4.700.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.776.618.329)	(1.950.492.571)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>23.648.951.092</b>	<b>24.963.990.884</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(21.393.741.222)	(19.732.025.339)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(20.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.095.927.909	4.285.342.492
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(11.297.813.313)</b>	<b>(35.446.682.847)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.957.394.400)	(14.975.959.925)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(14.957.394.400)</b>	<b>(14.975.959.925)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>(2.606.256.621)</b>	<b>(25.458.651.888)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>	<b>59.128.275.285</b>	<b>84.586.927.173</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	<b>56.522.018.664</b>	<b>59.128.275.285</b>




**NGUYỄN VĂN HOÀN**  
Người lập biểu



**ĐẶNG THI THU HẰNG**  
Kế toán trưởng



  
**NGUYỄN ANH TUẤN**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2018

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM vào ngày 09 tháng 4 năm 2012 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: NTW.
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 10.000.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 100.000.000.000 VND.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp, phân phối nước sạch);
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm nước);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (Chi tiết: Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước).

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

#### 1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 82 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 85 người).

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam "VND" do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày báo cáo.

#### **4.3 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là các chi phí liên quan đến chi phí lắp đặt, sửa chữa, thi công hệ thống cấp nước còn dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

#### 4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm kế toán.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### **4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **4.10 Tiền lương**

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào Quỹ tiền lương kế hoạch của năm 2017 được xác định theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Năm tài chính năm 2017, Công ty ghi nhận chi phí lương trong năm theo quỹ lương kế hoạch đang chờ Hội đồng quản trị phê duyệt.

#### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### 4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### **4.15 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **4.16 Công cụ tài chính**

#### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh	Công ty cùng tập đoàn
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt – VND	71.649.897	176.864.673
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	10.045.844.953	2.248.646.757
Các khoản tương đương tiền – VND (*)	46.404.523.814	56.702.763.855
	<b>56.522.018.664</b>	<b>59.128.275.285</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi từ 01 tháng đến 03 tháng. Lãi suất tiền gửi từ 4,3%/năm đến 5,2%/năm.

**5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai		
Phải thu bán tài sản cố định (*)	16.466.323.376	16.466.323.376
Phải thu cải tạo sửa chữa hàng rào Trạm bơm tăng áp Nhơn Trạch	8.391.405	8.391.405
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Phải thu tiền nước		
Phải thu tiền nước tháng 12/2017	13.616.537.498	-
Phải thu tiền nước tháng 12/2016	-	11.401.042.952
Phải thu tiền nước tồn của các tháng trước	59.713.149	24.161.325
Phải thu tiền lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và đồng hồ nước		
Ban quản lý dự án huyện Nhơn Trạch	-	2.348.729.836
Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074	2.271.119.074
Ủy Ban Nhân Dân Xã Phú Hữu	-	847.017.620
Hợp tác xã Dịch vụ Nông Nghiệp Đại Phước	301.982.600	341.982.600
Khách hàng khác	147.218.779	258.667.973
	<b>32.871.285.881</b>	<b>33.967.436.161</b>

(\*) Theo Biên bản họp thường kỳ Quý III/2017 của Hội đồng quản trị số 05/2017/BB-HĐQT-NTW ngày 04 tháng 12 năm 2017, theo đó Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch sẽ tiếp nhận tài sản từ Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai là các loại đường ống có đường kính từ DN100 đến DN600 cùng các thiết bị và phụ kiện kèm theo trên địa bàn huyện Nhơn Trạch với giá trị tài sản là 56.516.070.000 VND và sẽ được cân trừ với công nợ phải thu Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai từ việc bán tài sản cố định có số dư tại ngày 31/12/2017 là 16.466.323.376 VND.

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Công ty TNHH Anh Ngôn	177.111.000	177.111.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cấp thoát nước Thiên Phú	123.157.926	-
Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt	115.000.000	-
Công ty TNHH Công Nghệ Thông Tin Véc Tơ	105.000.000	-
Công ty Cổ phần Ngọc Tích Đồng Nai	68.740.000	68.740.000
Công ty Cổ phần công nghệ nước Nam An Xanh	-	82.500.000
Các nhà cung cấp khác	174.764.198	120.702.741
	<b>763.773.124</b>	<b>449.053.741</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai (**)	15.000.000.000	20.000.000.000
	<b>35.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

(\*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoản tiền cho Công ty mẹ – Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai vay theo hợp đồng vay số 114/2017/HĐ-NTW ngày 09 tháng 11 năm 2017, thời hạn cho vay là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 4,8%/năm. Không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh cho khoản cho vay.

(\*\*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoản tiền cho Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai vay theo hợp đồng vay số 212/DVXDCN ngày 29 tháng 09 năm 2017, thời hạn cho vay là 03 tháng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, lãi suất cho vay là 7%/năm. Không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh cho khoản cho vay.

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai				
Phải thu phí di dời trụ cứu hỏa	82.260.000	-	82.260.000	-
Phải thu lãi cho vay dự thu	138.666.667	-	135.444.444	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai				
Phải thu lãi cho vay dự thu	-	-	7.777.778	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dự thu	280.674.416	-	389.373.773	-
Tòa Án Nhân Dân huyện Nhơn Trạch	4.427.775	-	4.427.775	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp nộp thừa	80.897.266	-	76.182.309	-
Tạm ứng	151.900.000	-	140.625.000	-
Ký cược, ký quỹ	144.079.595	-	89.024.438	-
	<b>882.905.719</b>	<b>-</b>	<b>925.115.517</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>						
<b>Phải thu thương mại</b>						
Công ty TNHH Vạn Phúc						
Phải thu phí lắp đặt hệ thống cấp nước	Trên 3 năm	2.271.119.074	-	Trên 3 năm	2.271.119.074	-
Ông Lê Văn Tùng						
Phải thu phí lắp đặt hệ thống cấp nước	Trên 3 năm	44.378.152	-	Trên 3 năm	44.378.152	-
		<b>2.315.497.226</b>	<b>-</b>		<b>2.315.497.226</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu thương mại VND
Tại ngày 01/01/2017	2.315.497.226
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	-
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>2.315.497.226</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.133.304.228	-	7.092.650.715	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.227.146.387	-	424.319.212	-
	<b>7.360.450.615</b>	<b>-</b>	<b>7.516.969.927</b>	<b>-</b>

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương Tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2017	42.564.451.304	24.703.832.240	80.011.696.858	1.097.315.255	<b>148.377.295.657</b>
Mua trong năm	-	-	-	222.215.909	222.215.909
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	78.195.391	1.873.853.147	17.350.914.051	-	19.302.962.589
Xuất kho nguyên vật liệu	-	3.278.433.030	-	-	3.278.433.030
Phân loại lại	-	253.985.344	(253.985.344)	-	-
Tại ngày 31/12/2017	<b>42.642.646.695</b>	<b>30.110.103.761</b>	<b>97.108.625.565</b>	<b>1.319.531.164</b>	<b>171.180.907.185</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2017	21.527.807.290	17.832.177.345	50.502.311.496	342.667.863	<b>90.204.963.994</b>
Khấu hao trong năm	2.755.692.638	2.676.967.873	6.328.877.529	198.832.675	11.960.370.715
Phân loại lại	-	6.047.270	(6.047.270)	-	-
Tại ngày 31/12/2017	<b>24.283.499.928</b>	<b>20.515.192.488</b>	<b>56.825.141.755</b>	<b>541.500.538</b>	<b>102.165.334.709</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2017	21.036.644.014	6.871.654.895	29.509.385.362	754.647.392	<b>58.172.331.663</b>
Tại ngày 31/12/2017	<b>18.359.146.767</b>	<b>9.594.911.273</b>	<b>40.283.483.810</b>	<b>778.030.626</b>	<b>69.015.572.476</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2017	12.017.123.694	11.653.595.864	18.557.057.559	247.891.100	<b>42.475.668.217</b>
Tại ngày 31/12/2017	<b>17.797.406.226</b>	<b>8.582.204.611</b>	<b>19.984.947.865</b>	<b>247.891.100</b>	<b>46.612.449.802</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kế toán VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2017	45.000.000
Tại ngày 31/12/2017	<b>45.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2017	42.500.000
Khấu hao trong năm	2.500.000
Tại ngày 31/12/2017	<b>45.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2017	2.500.000
Tại ngày 31/12/2017	-

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2017 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào Tài sản cố định trong năm VND	Giảm khác VND	31/12/2017 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>					
Công trình hệ thống cấp nước KCN Nhơn Trạch công suất 2.500 m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.897.261.662	64.437.273	(1.946.575.328)	(15.123.607)	-
Công trình xây mới văn phòng Công ty	679.566.437	73.294.803	-	-	752.861.240
Tuyến ống cấp nước D400 đường Nguyễn Văn Cừ	2.000.000	117.000.000	-	-	119.000.000
Tuyến ống cấp nước HDPE D160 đường Hùng Vương	2.000.000	4.035.258.763	(4.037.258.763)	-	-
Tuyến ống cấp nước HDPE D160 đường 769 - Trần Phú, xã Phước Thiển	2.000.000	1.105.070.562	(1.106.506.017)	(564.545)	-
Hệ thống cấp nước thô công suất 2.500 m <sup>3</sup> /ngày đêm cho nhà máy xử lý nước Đại Phước	-	285.460.186	-	-	285.460.186
Công trình lắp đặt 2 giếng mới trạm Đại Phước	236.130.171	-	-	-	236.130.171
Các tuyến ống cấp nước khác	13.636.361	12.276.984.603	(12.212.622.481)	(48.725.755)	29.272.728
	<b>2.832.594.631</b>	<b>17.957.506.190</b>	<b>(19.302.962.589)</b>	<b>(64.413.907)</b>	<b>1.422.724.325</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	3.445.045.573	6.624.075.890
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Hồ Cầu Mới	1.319.072.234	1.108.842.213
Các nhà cung cấp khác	807.951.493	537.465.968
	<b>5.572.069.300</b>	<b>8.270.384.071</b>

**Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b><i>Trả trước của các khách hàng khác</i></b>		
Công ty Thắng Long Hiệp Phước	230.915.846	-
Công ty SEMCO Phú Yên - CN Đồng Nai	60.790.000	-
Công ty Xây dựng DIC-CORP	24.000.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng Công trình Hùng Vương	-	20.000.000
Các khách hàng khác	1.210.000	14.050
	<b>316.915.846</b>	<b>20.014.050</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà nước**

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm		31/12/2017	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Phải nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(364.137.856)	5.376.122.561	(6.000.000.000)		(988.015.295)
Thuế thu nhập cá nhân	57.249.988	-	729.360.188	(725.956.661)	60.653.515	-
Thuế tài nguyên	190.061.862	-	3.316.285.422	(3.231.240.728)	275.106.556	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	50.890.640	-	282.316.688	(257.359.348)	75.847.980	-
<b>Cộng</b>	<b>298.202.490</b>	<b>(364.137.856)</b>	<b>9.707.084.859</b>	<b>(10.217.556.737)</b>	<b>411.608.051</b>	<b>(988.015.295)</b>

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 5% và 10%.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	<b>Năm 2017</b> VND	<b>Năm 2016</b> VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>26.532.612.804</b>	<b>23.923.233.022</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>348.000.000</b>	<b>332.000.000</b>
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không tham gia điều hành	348.000.000	332.000.000
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>26.880.612.804</b>	<b>24.255.233.022</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.376.122.561</b>	<b>4.851.046.604</b>

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm với mức thuế suất là 5% của sản lượng nước do Công ty sản xuất nhân với mức giá bán nước bình quân.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**5.14 Phải trả người lao động**

	<b>31/12/2017</b> VND	<b>01/01/2017</b> VND
Quỹ lương còn phải trả	5.494.393.820	3.088.569.736
	<b>5.494.393.820</b>	<b>3.088.569.736</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b> VND	<b>01/01/2017</b> VND
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Cổ tức phải trả	181.993.600	139.388.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	121.698.836	122.331.708
	<b>303.692.436</b>	<b>261.719.708</b>

**5.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2017 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2017 VND
Quỹ khen thưởng	6.900.419.078	381.443.728	(3.001.199.729)	4.280.663.077
Quỹ phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, xã hội, cộng đồng	4.606.163.186	572.165.592	(1.203.253.600)	3.975.075.178
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.832.712	572.165.593	(572.165.000)	4.833.305
	<b>11.511.414.976</b>	<b>1.525.774.913</b>	<b>(4.776.618.329)</b>	<b>8.260.571.560</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.17 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)****5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư tại ngày</b>					
<b>01/01/2016</b>	50.000.000.000	6.043.138.411	64.187.545.741	57.206.817.792	177.437.501.944
Tăng vốn trong năm	25.000.000.000	-	(25.000.000.000)	-	-
Lãi trong trong năm	-	-	-	19.072.186.418	19.072.186.418
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.651.518.602)	(1.651.518.602)
Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành và quản lý	-	-	-	(990.911.161)	(990.911.161)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.651.518.602	(1.651.518.602)	-
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày</b>					
<b>31/12/2016</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>6.043.138.411</b>	<b>40.839.064.343</b>	<b>56.985.055.845</b>	<b>178.867.258.599</b>
<b>Số dư tại ngày</b>					
<b>01/01/2017</b>	75.000.000.000	6.043.138.411	40.839.064.343	56.985.055.845	178.867.258.599
Tăng vốn trong năm	25.000.000.000	-	(25.000.000.000)	-	-
Lãi trong trong năm	-	-	-	21.156.490.243	21.156.490.243
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(953.609.320)	(953.609.320)
Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành và quản lý	-	-	-	(572.165.593)	(572.165.593)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	953.609.321	(953.609.321)	-
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày</b>					
<b>31/12/2017</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>6.043.138.411</b>	<b>16.792.673.664</b>	<b>60.662.161.854</b>	<b>183.497.973.929</b>

Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ 75 tỷ VND lên 100 tỷ VND và Nghị Quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-NTW của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, số cổ phiếu phát hành thêm trong năm là 2.500.000 cổ phiếu. Chi tiết phát hành như sau:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu là ngày 30 tháng 06 năm 2017.
- Phương thức phát hành: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
- Tỷ lệ phát hành (tỷ lệ thực hiện quyền) 3:1. Cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phần được nhận 01 quyền nhận cổ phiếu. Cứ 03 quyền nhận cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu mới.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	52.437.360.000	52,44%	39.328.020.000	52,44%
AMERICA LLC	14.345.850.000	14,35%	9.811.990.000	13,08%
Các cổ đông khác	33.216.790.000	33,21%	25.859.990.000	34,48%
	<b>100.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**5.17.3 Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	7.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	7.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	7.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	7.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	7.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/ Cổ phiếu.

**5.17.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 20 tháng 04 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền (20% x Vốn điều lệ)	15.000.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% x LNST năm 2016)	953.609.320
• Trích thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty (3% x LNST năm 2016)	572.165.593
• Trích quỹ đầu tư phát triển (5% x LNST năm 2016)	953.609.321

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	151.288.073.500	129.162.737.400
Doanh thu hoạt động lắp đặt hệ thống cấp nước sạch và đồng hồ nước	2.655.822.217	2.143.118.122
	<b>153.943.895.717</b>	<b>131.305.855.522</b>

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hàng bán bị trả lại	28.192.200	13.291.225
	<b>28.192.200</b>	<b>13.291.225</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	116.767.428.257	101.075.910.027
Giá vốn lắp đặt hệ thống cấp nước sạch và đồng hồ nước	1.985.493.743	1.666.702.360
	<b>118.752.922.000</b>	<b>102.742.612.387</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.637.228.552	3.364.716.265
Lãi tiền cho vay	2.345.444.445	1.453.222.222
	<b>4.982.672.997</b>	<b>4.817.938.487</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	2.791.764.103	2.562.125.707
Chi phí vật liệu, bao bì	2.545.611.852	1.369.935.900
Chi phí bán hàng khác	47.839.731	33.269.636
	<b>5.385.215.686</b>	<b>3.965.331.243</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.489.812.120	3.703.137.311
Chi phí vật liệu quản lý	269.000.227	139.756.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	226.472.364	287.824.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	356.606.104	100.482.320
Chi phí nhiên liệu	143.588.789	143.043.167
Chi phí tư vấn chuyên nghiệp	50.000.000	88.885.676
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô	52.341.010	89.885.184
Chi phí tiếp khách, tiệc, hội nghị	363.892.227	453.358.545
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	456.890.500	456.254.031
	<b>8.408.603.341</b>	<b>5.462.626.780</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chuyển nhượng vật tư	4.257.522.611	229.809.840
Cải tạo thay thế trạm cứu hỏa	142.247.970	-
Thu nhập từ việc bán hồ sơ dự thầu, mở nước	23.490.609	5.339.267
	<b>4.423.261.190</b>	<b>235.149.107</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá trị vật tư chuyển nhượng	4.242.283.873	226.542.909
Khác	-	25.305.550
	<b>4.242.283.873</b>	<b>251.848.459</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu****6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.156.490.243	19.072.186.418
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.057.824.512)	(953.609.320)
- Trích Quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty (*)	(634.694.707)	(572.165.593)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.463.971.024	17.546.411.505
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	10.000.000	7.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.946</b>	<b>2.340</b>

(\*) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trong năm 2017 được tạm tính theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 20 tháng 04 năm 2017 như sau :

	VND
• Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% x LNST năm 2017)	1.057.824.512
• Tạm trích Quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty (3% x LNST năm 2017)	634.694.707

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.500.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ quỹ đầu tư phát triển trong năm	2.500.000	2.500.000
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>10.000.000</b>	<b>7.500.000</b>

Trong năm 2017, Công ty đã tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển với giá trị là 25 tỷ VND (tương ứng với 2.500.000 cổ phiếu).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### 6.9.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

#### 6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn mua nước sạch	86.135.325.894	71.097.807.528
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.814.809.625	5.749.433.115
Chi phí nhân công	16.767.364.625	15.510.210.476
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.962.870.715	11.312.009.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.422.735.275	5.296.713.482
Chi phí khác	4.246.462.068	3.223.391.393
	<u>133.349.568.202</u>	<u>112.189.565.524</u>

#### 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

##### Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển	25.000.000.000	25.000.000.000
	<u>25.000.000.000</u>	<u>25.000.000.000</u>

#### 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

##### i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

#### **ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty có cho công ty mẹ và công ty thành viên vay tiền. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp.

#### **iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>			
Phải trả người bán	5.572.069.300	-	5.572.069.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	121.698.836	-	121.698.836
	<b>5.693.768.136</b>		<b>5.693.768.136</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2017</b>			
Phải trả người bán	8.270.384.071	-	8.270.384.071
Các khoản phải trả, phải nộp khác	122.331.708	-	122.331.708
	<b>8.392.715.779</b>		<b>8.392.715.779</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2017 và 01/01/2017.

**iv. Giá trị hợp lý**

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng	16.396.571.100	17.492.721.380	14.081.073.874	15.177.224.154
Phải thu các bên liên quan	51.695.641.448	56.700.197.003	51.695.641.448	56.700.197.003
Các khoản phải thu khác	424.754.011	478.398.211	424.754.011	478.398.211
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.522.018.664	59.128.275.285	56.522.018.664	59.128.275.285
<b>Tổng cộng</b>	<b>125.038.985.223</b>	<b>133.799.591.879</b>	<b>122.723.487.997</b>	<b>131.484.094.653</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính được Xác định theo giá trị phân bổ				
Phải trả các bên liên quan	3.445.045.573	6.624.075.890	3.445.045.573	6.624.075.890
Phải trả người bán	2.127.023.727	1.646.308.181	2.127.023.727	1.646.308.181
Phải trả khác	121.698.836	122.331.708	121.698.836	122.331.708
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.693.768.136</b>	<b>8.392.715.779</b>	<b>5.693.768.136</b>	<b>8.392.715.779</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

(2) *Cơ sở xác định giá trị hợp lý*

#### **Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

#### **Nợ phải trả tài chính phi phái sinh**

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

## **9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

### **9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### **9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

995-  
TY  
THI  
TOAN  
NAI  
ĐC



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>612.000.000</b>	<b>684.000.000</b>
Thù lao	372.000.000	324.000.000
Tiền thưởng	240.000.000	360.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>	<b>472.000.000</b>	<b>400.968.120</b>
Thù lao	432.000.000	300.968.120
Tiền thưởng	40.000.000	100.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>	<b>1.610.489.630</b>	<b>1.645.410.805</b>
Tiền lương	1.473.737.630	1.595.410.805
Tiền thưởng	31.110.000	50.000.000
Phụ cấp trách nhiệm	105.642.000	-

**9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai</b>			
	Mua nước	86.135.325.894	71.097.807.528
	Trả cổ tức	7.865.604.000	7.865.604.000
	Lãi cho vay	945.444.445	1.095.444.444
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai</b>			
	Thu tiền cho vay	5.000.000.000	-
	Lãi cho vay	1.400.000.000	357.777.778

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác được trình bày như sau:

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai</b>			
	Phải thu thương mại – Xem thêm mục 5.2		
	Bán tài sản cố định	16.466.323.376	16.466.323.376
	Phải thu cải tạo sửa chữa hàng rào		
	Trạm bơm tăng áp Nhơn Trạch	8.391.405	8.391.405
	Phải thu về cho vay - Xem thêm mục 5.4	20.000.000.000	20.000.000.000
	Phải thu khác – Xem thêm mục 5.5		
	Phải thu di dời trạm cứu hỏa	82.260.000	82.260.000
	Phải thu lãi cho vay	138.666.667	135.444.444
	Phải trả thương mại - Xem thêm mục 5.11		
	Phải trả tiền mua nước	(3.445.045.573)	(6.624.075.890)

